

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GIAO THỦY  
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2024/DS-ST  
Ngày: 12- 8- 2024  
V/v: Tranh chấp tiền bồi  
thường giải phóng mặt bằng.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ông Ngọc Lễ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Giao;

Ông Đỗ Văn Cận.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Ngoan; Thư ký Tòa án nhân dân huyện  
Giao Thủy.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định tham  
gia phiên tòa:** bà Phan Thị Xuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy,  
tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:10/2024/TLST-DS,  
ngày 06-3-2024 về việc “Tranh chấp tiền bồi thường giải phóng mặt bằng”; theo  
Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2024/QĐXXST-DS, ngày 25-6-2024, giữa  
các đương sự:

**Nguyên đơn:** Ông **Đinh Văn Đ**, sinh năm 1971; địa chỉ: **Xóm T, xã G, huyện  
G, tỉnh Nam Định.**

**Bị đơn:** Ông **Đinh Văn A**, sinh năm 1952, bà **Đinh Thị Kim T**, sinh năm  
1959; đều có địa chỉ: **Xóm T, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định.**

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Bà **Đinh Thị H**; sinh năm 1976; địa  
chỉ: **Xóm T, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định.** (Bà **Đinh Thị Hồng ử** quyền cho ông  
**Đinh Văn Đ** tham gia tố tụng theo văn bản uỷ quyền ngày 20-6-2024)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông **Đinh  
Văn Đ** là nguyên đơn và là người đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi

nghĩa vụ liên quan bà **Đinh Thị H**, trình bày: Tháng 12 năm 2016 ông có thuê phần đất trống tại tờ bản đồ số 06, thửa đất số 01 thuộc **xóm T, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định** của ông **Đinh Văn A** để làm kho chứa vật liệu xây dựng. Do hai bên đều là chỗ quen biết nên khi thuê không lập thành hợp đồng mà chỉ hợp đồng miệng. Sau khi thuê đất nêu trên, ông đã xây một nhà kho rộng 80m<sup>2</sup> cao 4m có mái tôn, cửa sắt kiên cố, nền dày 10cm san gạt, lu nén 120m<sup>2</sup> để chứa cát đá ngoài trời. Trong quá trình ông xây dựng, ông **Đinh Văn A** có biết nhưng không có bất kỳ ý kiến gì vì như thỏa thuận ban đầu, việc ông thuê để tập kết và làm kho chứa vật liệu. Khi có dự án tuyến đường 484 đi qua, ông **A** có trao đổi qua với ông về tài sản trên đất, theo đó khi có tiền đền bù, ông **A** sẽ trả cho ông số tiền tương ứng với phần tài sản mà ông đã xây dựng trên đất. Khi có phương án bồi thường, gia đình ông **A** làm việc trực tiếp với ban bồi thường giải phóng mặt bằng và nhận hết số tiền đền bù đối với phần công trình xây dựng của ông là 114.000.000 đồng. Mặc dù gia đình ông đã nhiều lần đề nghị ông **A** hoàn số tiền nêu trên nhưng ông **A** dùng nhiều lý do khác nhau để từ chối. Thậm chí cơ sở xóm đã nhiều lần đến nhà ông **A** để vận động, thuyết phục, **UBND xã G** đã hoà giải, nhưng gia đình ông **A** vẫn kiên quyết không trả số tiền nêu trên. Nay ông yêu cầu Tòa án buộc ông **A** và bà **T** phải trả cho gia đình ông số tiền bồi thường đền bù trên là 114.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy đã triệu tập nhiều lần nhưng ông **A** và bà **T** không đến Tòa án để làm việc. Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy đã xuống địa phương để làm việc nhưng ông **A** và bà **T** không hợp tác và từ chối nhận các văn bản tố tụng.

Tại biên bản thu thập chứng cứ ngày 18-4-2024, chính quyền địa phương **xã G** cung cấp: Ông **Đinh Văn Đ** xây dựng công trình trên phần đất nhà ông **Đinh Văn A** tại **xóm T** (tờ 06 thửa 01 là đúng) việc ông **A** và bà **T** nhận số tiền đền bù giải phóng mặt bằng trong đó có số tiền đền bù công trình xây dựng của ông **Đ** trên đất thuê của ông **A** bà **T** là việc có thật. Nay ông **Đ** yêu cầu ông **A**, bà **T** phải trả số tiền đền bù mà ông **Đ** đã xây dựng trên phần đất thuê của gia đình ông **A**, bà **T** địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm, cụ thể như sau:*

Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX vào phòng nghị án. Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Căn cứ Điều 88,89 Luật đất đai, đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông **Đinh Văn Đ** về việc buộc ông **Đinh Văn A** và bà **Đinh Thị Kim T** phải trả cho ông số tiền đền bù là: 114.000.000 đồng. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc ông **Đinh Văn A** và **Đinh Thị Kim T** phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**



Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Lời trình bày và kết quả tranh tụng của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông **Đinh Văn A** và bà **Đinh Thị Kim T** đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa; căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông **Đinh Văn Đ** khởi kiện yêu cầu ông **Đinh Văn A** và **Đinh Thị Kim T** phải trả số tiền Nhà nước đã bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất thuộc quyền sử dụng của ông **A**, bà **T**. Trên đất có công trình xây dựng của ông **Đ** được Nhà nước bồi thường hỗ trợ là 114.000.000 đồng mà ông **A** bà **T** đã nhận. Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ “Tranh chấp về quyền sở hữu và các quyền khác đối với tài sản”.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông **Đinh Văn Đ**, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Do có mối quan hệ quen biết nhau, khoảng tháng 12 năm 2016 ông **Đinh Văn Đ** có thuê một phần diện tích đất tại thửa đất số 01 tờ bản đồ số 06, tại **xóm T, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định** của ông **Đinh Văn A**, bà **Đinh Thị Kim T**, mục đích để làm kho chứa vật liệu xây dựng là có thật. Việc thuê đất giữa hai bên không lập văn bản mà chỉ hợp đồng miệng và không có thoả thuận gì khác.

Sau khi thuê đất, ông **Đinh Văn Đ** đã xây một nhà kho để chứa cát đá ngoài trời là có thật. Việc xây dựng này đã được các nhân chứng là bà **Nguyễn Thị L** người bán vật liệu xây dựng cho ông **Đ** xây dựng nhà kho, ông **Đinh Văn H1** là người thi công xây dựng nhà kho cho ông **Đ**, ông **Đinh Văn Đ1** hàng xóm sinh sống cạnh thửa đất ông **Đ** thuê của ông **A**, ông **Đinh Văn Đ2** là xóm trưởng **xóm T xã G**, đều xác nhận ông **Đ** đã xây dựng kho chứa vật liệu như trên, và chính bị đơn bà **Đinh Thị Kim T** khi làm việc với UBND xã (tại biên bản hoà giải ngày 16-01-2024 do **UBND xã G** lập) cũng thừa nhận việc ông **Đ** có xây dựng nhà kho để chứa vật liệu xây dựng như ông **Đ** đã trình bày.

Khi Nhà nước có dự án xây dựng tuyến đường 484 thì đất của ông **Đinh Văn A** bà **Đinh Thị Kim T** nói trên thuộc diện phải giải phóng mặt bằng làm đường. Khi lập phương án bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ làm việc với những gia đình có đất là ông **A** bà **T**, do vậy ông **Đ** không phải là đối tượng làm việc với cơ quan có thẩm quyền giải quyết bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng.

Theo các tài liệu do Phòng tài nguyên và môi trường huyện Giao Thủy cung cấp thì số tiền gia đình ông **A** bà **T** được bồi thường hỗ trợ cụ thể gồm: Công trình xây dựng 114.445.000 đồng, giá trị cây trồng 2.893.000 đồng, giá trị đất 2.732.365.000 đồng. Tổng cộng số tiền bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng mà gia đình ông **Đinh Văn A** bà **Đinh Thị Kim T** đã nhận là 2.849.703.000 đồng, trong



đó có số tiền ông **Đinh Văn Đ** được bồi thường hỗ trợ giá trị công trình xây dựng là 114.445.000 đồng.

Xét thấy: Việc gia đình ông **Đinh Văn A** bà **Đinh Thị Kim T** đã nhận tiền bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng do nhà nước trả, trong đó có khoản tiền ông **Đinh Văn Đ** được bồi thường hỗ trợ 114.445.000 đồng. Nay ông **Đinh Văn Đ** yêu cầu Tòa án buộc ông **Đinh Văn A** và bà **Đinh Thị K** phải trả cho gia đình ông số tiền bồi thường hỗ trợ là 114.000.000 đồng là có căn cứ pháp luật.

Căn cứ Điều 166 Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử sẽ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Đinh Văn Đ**.

[3] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào Điều 88,89 Luật đất đai, các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Đinh Văn Đ**.

Buộc ông **Đinh Văn A** và bà **Đinh Thị Kim T** phải trả ông **Đinh Văn Đ** và bà **Đinh Thị H** số tiền Nhà nước bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng là 114.000.000 đồng (Một trăm mười bốn triệu đồng).

*Sau khi án có hiệu lực pháp luật người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.*

2. Về án phí: Ông **Đinh Văn A** và bà **Đinh Thị Kim T** phải nộp 5.700.000 đồng (Năm triệu bảy trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại ông **Đinh Văn Đ** số tiền tạm ứng án phí 2.850.000 đồng (Hai triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004507 ngày 06-3-2024 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Giao Thủy tỉnh Nam Định.

Án xử công khai, ông **Đinh Văn Đ** bà **Đinh Thị H** có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông **Đinh Văn A** và bà **Đinh Thị Kim T** vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

3. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giao Thủy;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND tỉnh Nam Định;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ông Ngọc Lễ**

***Nơi nhận:***

- Các đương sự: 18 bản;
- VKSND huyện Giao Thủy: 01 bản;
- VKSND tỉnh Nam Định: 01 bản;
- Chi cục Thi hành án dân sự: 01 bản;
- Lưu: 02 bản.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ông Ngọc Lễ**